

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50a/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 6 - 2022
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Đào Việt Khải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Tiêu Văn L, sinh năm 1962 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2022 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là bà Nguyễn Kim C trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 1994, bà và ông Tiêu Văn L chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây giữa vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi. Cả hai có hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đó cả hai không còn tiếng nói chung, xét thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tiêu Văn L.

- *Về con chung*: Có 06 người tên là Tiêu Ngọc N (giới tính nữ), sinh năm 1989; Tiêu Liễu C (giới tính nữ), sinh năm 1992; Tiêu Thùy D (giới tính nữ), sinh năm 1995; Tiêu Trung K (giới tính nam), sinh năm 1999; Tiêu Văn P (giới tính nam), sinh ngày 10/01/2000 và Tiêu Văn T (giới tính nam), sinh ngày 10/01/2000. Hiện tại 06 người con chung đều trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/5/2022, bị đơn là ông Tiêu Văn L trình bày:

- *Về hôn nhân*: Về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn đúng như bà Nguyễn Kim C trình bày. Xét thấy bà Nguyễn Kim C cương quyết yêu cầu ly hôn nên ông đồng ý theo yêu cầu của bà Nguyễn Kim C.

- *Về con chung*: Có 06 người con đúng như bà Cương trình bày, về con chung đều trưởng thành ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông nhận trả các khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*: Bà Nguyễn Kim C yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Thị Bích nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Kim C và ông Tiêu Văn L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Xét về hôn nhân*: Bà Nguyễn Kim C và ông Tiêu Văn L chung sống như vợ chồng vào năm 1994 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Nguyễn Kim C và ông Tiêu Văn L cùng xác định quá trình chung sống cùng nhau thì vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Xét

thấy mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn trầm trọng nên bà Nguyễn Kim C và ông Tiêu Văn L cùng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do hôn nhân của các đương sự không phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, bà Nguyễn Kim C và ông Tiêu Văn L không được công nhận là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Quá trình hòa giải, cả hai người thống nhất có 06 người tên là Tiêu Ngọc N (giới tính nữ), sinh năm 1989; Tiêu Liễu C (giới tính nữ), sinh năm 1992; Tiêu Thùy D (giới tính nữ), sinh năm 1995; Tiêu Trung K (giới tính nam), sinh năm 1999; Tiêu Văn P (giới tính nam), sinh ngày 10/01/2000 và Tiêu Văn T (giới tính nam), sinh ngày 10/01/2000. Hiện tại 06 người con chung đều trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tất cả con chung đều trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Kim C và ông Tiêu Văn L thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[5]. *Về nợ chung*: Do ông quản lý đất đai, nhà ở nên ông nhận trả các khoản nợ nên không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Kim C phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Kim C và ông Tiêu Văn L là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Kim C đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017748, ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước